

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/HS-PT
Ngày: 14/01/2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Lâm.

Các Thẩm phán:

- Ông Trần Minh Châu
- Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 797/2025/TLPT-HS ngày 01/12/2025 đối với các bị cáo Ngô Văn H, Vũ Thị T, Lê Thị Q, Bùi Ngọc T1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 297/2025/HS-ST ngày 29/09/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Ngô Văn H; sinh năm 1984; tại: tỉnh H; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn Hà N, xã A, huyện D, Thành phố H (nay là thôn Hà N, phường A, Thành phố H); Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị Q; Bị cáo có vợ và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa).

2. Họ và tên: Vũ Thị T; sinh năm 1983; tại: tỉnh N (nay là tỉnh N); hộ khẩu thường trú: Tổ Dân phố số 21, thị trấn T, huyện H, tỉnh N (nay là Tổ Dân phố số 21, xã H, tỉnh N); chỗ ở: thôn Đội 1, thị trấn N, xã N, huyện N, tỉnh N (nay là thôn Đội 1, thị trấn N, xã H, tỉnh N); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn A và bà Hoàng Thị H. Bị cáo có chồng và có

03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Họ và tên: Lê Thị Q; sinh năm 1982; tại: tỉnh N; hộ khẩu thường trú: 2 Chung cư A đường Nguyễn Đình C, khu phố 8, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 2 Chung cư A đường Nguyễn Đình C, khu phố 8, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: số 7 đường Lê Thị S, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 7 đường Lê Thị S, ấp T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Phạm Thanh T và bà Lê Thị Q; bị cáo có chồng (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 06/8/2024, Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo bản án 198/2024/HSST.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. Họ và tên: Bùi Ngọc T1; sinh năm 1976; tại: tỉnh T; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 4 đường 7, ấp G, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số 4 đường 7, ấp G, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Kế toán; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Huỳnh Thị B; bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Văn H và Vũ Thị T chung sống như vợ chồng, trong thời gian này, H bàn với T thành lập công ty nhưng không hoạt động sản xuất, kinh doanh mà để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (hóa đơn GTGT) để Vũ Thị T đứng đại diện theo pháp luật, nhằm thu lợi bất chính thì T đồng ý. Theo thỏa thuận, T được chia phần trăm hoa hồng tương ứng là 0,1% - 0,8% trên tổng tiền hàng hóa trước thuế ghi trên hóa đơn GTGT. Cụ thể, H yêu cầu Vũ Thị T thành lập 02 Công ty tại khu vực địa bàn huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để mua bán trái phép hóa đơn, gồm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ HT và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển - Thương Mại - Dịch vụ MT.

Dựa trên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ HT (địa chỉ: số 11 Đường số 19, ấp T, xã T, huyện C, TP. Hồ Chí Minh), H đã thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT như sau:

Vào cuối tháng 06/2023, Vũ Thị T nhờ Lê Thị Q tìm thuê địa chỉ để treo biển Công ty. Sau khi thuê được địa chỉ treo biển Công ty, Thúy làm hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đưa toàn bộ hồ sơ cho người tên P (chưa rõ lai lịch) là bạn của H để làm thủ tục đăng ký doanh nghiệp thành lập Công ty TNHH TM- DV HT. Sau khi có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, T tiếp tục gặp P để lấy mộc dấu, Token (chữ ký số). Sau đó, T đưa tất cả Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mộc dấu, Token của Công ty giao cho H để H thực hiện việc xuất bán trái phép hóa đơn GTGT. Tuy nhiên, thời điểm này Công ty chưa có tài khoản Ngân hàng nên chưa hoạt động được. Đến tháng 7/2023, T mở tài khoản Ngân hàng cho Công ty TNHH TM-DV HT để phục vụ việc xuất bán hoá đơn GTGT trái phép, theo thỏa thuận Vũ Thị T sẽ được hưởng hoa hồng là 0,1%/tổng tiền hàng hóa trước thuế ghi trên hóa đơn. Tuy nhiên, Vũ Thị T chưa được H chi trả tiền hoa hồng theo thỏa thuận.

Dựa trên Công ty TNHH PTTM - DV MT (địa chỉ: số 8, Đường số 613, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh) H đã thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT cụ thể như sau:

Vào ngày 11/8/2023, Vũ Thị T thành lập Công ty TNHH PT TM - DV MT, địa chỉ đặt trụ sở Công ty cũng do Lê Thị Q cung cấp. Thúy chủ động làm hồ sơ thành lập công ty rồi gửi toàn bộ hồ sơ cho 01 một người phụ nữ tên Kiều (không rõ lai lịch) ở Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Sau đó, T nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cùng mộc dấu, Token từ Kiều rồi gửi về cho H. Tiếp đó, H đã gửi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, con dấu, token cho Bùi Ngọc T1 làm nhiệm vụ báo cáo thuế. Cả 02 Công ty nêu trên không thực tế hoạt động kinh doanh hàng hóa tại địa chỉ đăng ký kinh doanh nên trong thời gian hoạt động hơn 01 tháng thì bị Chi cục thuế huyện Cđóng mã số thuế của 02 công ty trên.

Sau đó, Bùi Ngọc T1 được H đưa lại 01 con dấu Công ty TNHH TM - DV HT để Vũ Thị T mở lại mã số thuế của Công ty để thanh toán tiền lợi nhuận 0,1% từng hoá đơn xuất không trước đó nhưng Vũ Thị T chưa thực hiện. Tiếp đó, H đưa tiếp Vũ Thị T 01 con dấu Công ty TNHH PT-TM-DV MT để Vũ Thị T mang đến Ngân hàng TMCP A đi cùng người tên C (chưa rõ lai lịch) và P theo yêu cầu của H để làm thủ tục khoá tạm thời tài khoản Ngân hàng của Công ty. Tại đây, Vũ Thị T ký tên và đóng dấu của Công ty để khoá tài khoản Công ty TNHH PT - TM - DV MT. Sau đó, C đưa Vũ Thị T tiền hoa hồng bán hóa đơn GTGT của Công ty TNHH PT-TM-DV MT với số tiền là 72.000.000 đồng tương ứng 0,8% doanh thu xuất hoá đơn không của công ty là 9.548.905.428 đồng mà H cho Vũ Thị T biết. Sau khi nhận tiền theo thỏa thuận xong thì Vũ Thị T tiếp tục đến Ngân hàng TMCP A mở lại tài khoản Ngân hàng cho Công ty này để tiếp tục thực hiện hoạt động mua bán trái phép hóa đơn GTGT. Từ khi thành

lập đến khi bị phát hiện, 02 Công ty nêu trên đã xuất bán 90 Hóa đơn GTGT cho 19 Công ty với tổng số tiền ghi không giá trị hàng hóa trên hóa đơn chưa thuế 36.051.751.882 đồng.

Đối với Lê Thị Q: Do có quan hệ quen biết với Vũ Thị T, biết Q đang gặp khó khăn về kinh tế nên cuối tháng 6/2023, Thúy nói với Q nếu cần giúp đỡ thì liên hệ với H và cho số điện thoại để liên lạc với H. Sau đó, Q nhắn tin trao đổi với H và được H đề nghị đứng tên thành lập Doanh nghiệp, nhưng thực tế không hoạt động kinh doanh mà để thực hiện việc xuất bán trái phép hóa đơn GTGT cho các đơn vị kinh tế khác mua, nhằm hợp thức hóa nguồn hàng hóa đầu vào làm giảm số thuế phải nộp nhằm trốn thuế. Cứ mỗi hóa đơn được xuất bán thành công thì Q được hưởng tiền hoa hồng là 0,1% trên tổng số tiền hàng hóa trước thuế ghi trên hóa đơn GTGT và sẽ được H chi trả lợi nhuận theo quý (3 tháng báo cáo thuế), nên Q đồng ý.

Ngày 25/6/2023, Lê Thị Q làm hồ sơ thành lập Công ty TNHH XD-VT-TM-DV Hồng Q để hoạt động xuất bán trái phép hóa đơn GTGT nhằm thu lợi bất chính. Theo yêu cầu của H, Q chụp hình Căn cước công dân của Q gửi qua mạng xã hội Zalo “H Ngo” để H làm hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Sau khi hoàn thiện hồ sơ thì H giao cho 01 một người tên P (không rõ lai lịch) rồi H nói Q đến gặp P ở khu vực địa phận quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (không nhớ địa chỉ cụ thể) để ký hồ sơ. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì H tiếp tục yêu cầu Q đến Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBBank) – Chi nhánh Gò Vấp để mở tài khoản Ngân hàng cho Công ty và gặp P để ký yêu cầu đăng ký chữ ký số (Token) và mộc dấu cho Công ty, Q đã thực hiện tất cả theo yêu cầu của H. Đến khi Công ty được thành lập, H gửi biển hiệu Công ty nêu trên cho Q để treo ở địa chỉ nhà Q tại số 7 đường Lê Thị S, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Còn đối với Token, mộc dấu Công ty thì H gửi ra Hà Nội để hoạt động xuất bán trái phép hóa đơn GTGT. Công ty này hoạt động được gần 02 tháng thì bị khóa mã số thuế và Q chưa được hưởng tiền phần trăm hoa hồng từ việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT từ H.

Đầu tháng 8/2023, thông qua H, Lê Thị Q tiếp tục đứng tên thành lập Công ty TNHH Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ S (địa chỉ: số 8A Đường số 613, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh). Việc ký hồ sơ thành lập Công ty thì H chuyển phát nhanh đến Vũ Thị T (địa chỉ: Nhà không số ấp 3, X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh) để ký rồi gửi chuyển phát nhanh lại cho H. Riêng việc ký hồ sơ mở tài khoản Ngân hàng cho Công ty và đăng ký Token, mộc dấu cho Công ty thì Q không ký. Sau khi thành lập Công ty xong thì Q nhận Token, mộc dấu của Công ty rồi H kêu Q tìm kế toán để làm báo cáo thuế. Q nhờ chị Trần Thị Hồng Y tìm kế toán giúp thì được Y giới thiệu Bùi Ngọc T1 từng làm báo cáo thuế cho Y để làm báo cáo thuế. Q xin số điện thoại và kết bạn Zalo với Bùi Ngọc T1 qua số 0986687xxx để trao đổi về việc báo cáo thuế cho Công ty thì Bùi Ngọc T1 đồng ý. Sau đó, Q nhắn số điện thoại của Bùi Ngọc T1 cho H để H trao đổi trực tiếp với Bùi Ngọc T1 về cách thức làm việc và H trực tiếp thanh

toán tiền công cho Bùi Ngọc T1. Sau khi thỏa thuận xong, Bùi Ngọc T1 kêu Q để biên Công ty cùng giấy phép, Token và mộc dấu Công ty ở nhà chị Y để T ghé lấy để làm báo cáo thuế. Riêng biển hiệu Công ty thì được treo ở nhà Y. Tuy nhiên, Công ty hoạt động đến cuối tháng 9/2023, thì bị khóa mã số thuế. Từ khi lập 02 Công ty nêu trên do Lê Thị Q làm đại diện theo pháp luật đã xuất bán 50 Hóa đơn GTGT cho 16 Công ty với tổng số tiền ghi không giá trị hàng hóa trên hóa đơn chưa thuế 15.563.742.770 đồng.

Bùi Ngọc T1 làm báo cáo thuế cho 02 Công ty là Công ty TNHH ĐT-TM-DV S và Công ty TNHH PT-TM-DV MT và thỏa thuận mỗi Quý (03 tháng) trả công số tiền 2.000.000 đồng cho mỗi Công ty, tổng cộng là 4.000.000 đồng/2 công ty. Bùi Ngọc T1 được Q cho biết Ngô Văn H là người đứng phía sau các công ty trên nêu nên. Sau đó, H và T trao đổi cách thức làm việc xuất hóa đơn và làm báo cáo thuế cho 02 Công ty nêu trên. Đồng thời, H giới thiệu V, N cũng là kế toán của H để liên lạc trao đổi với Bùi Ngọc T1 qua Zalo hoặc Instagram thỏa thuận cách thức xuất hoá đơn. Cụ thể: Bùi Ngọc T1 sẽ nhận bảng kê thông tin từ H, V hoặc N (gồm tên công ty, hàng hoá, số lượng, số tiền) qua zalo hoặc tờ hoá đơn đã ghi thông tin hàng hoá mà công ty V hoặc N đã xuất ra. Lúc này, Bùi Ngọc T1 nhập lại thông tin hàng hoá trên và xuất hóa đơn như số lượng, số tiền ghi trên hoá đơn cho Công ty. Từ khi làm báo cáo thuế cho 02 Công ty nêu trên đến nay, Bùi Ngọc T1 đã xuất 112 Hóa đơn giá trị gia tăng cho 19 Công ty theo yêu cầu của H, với tổng số tiền ghi không giá trị hàng hóa trên hóa đơn chưa gồm thuế 28.129.540.600 đồng. Trong quá trình khai báo thuế cho các công ty nêu trên, Thúy đã nhận 10.000.000 đồng để mua máy tính để phục vụ xuất bán hóa đơn và 20.000.000 đồng tiền lương ứng trước từ H.

Ngoài ra, Bùi Ngọc T1 trong thời gian bận công việc thì Bùi Ngọc T1 sẽ cắm USB Token các Công ty mà V yêu cầu và đăng nhập vào hệ thống UltraViewer (phần mềm điều khiển từ xa) để V xuất hóa đơn GTGT. Đối với Token và mộc dấu của Công ty S và Công ty TNHH PT-TM-DV MT thì được Q gửi tại nhà của Y, tại Số 12, Đường số 43, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, Bùi Ngọc T1 sẽ đến lấy đem về xuất hóa đơn GTGT và làm báo cáo thuế cho Công ty của H theo thỏa thuận để hưởng lợi 2.000.000 đồng/Quý/01 Công ty. Đến tháng 09/2023, 02 Công ty S và Công ty MT bị khóa mã số thuế nên Thúy đã ngưng việc xuất hoá đơn cho 02 Công ty này.

Trong quá trình điều tra, Bùi Ngọc T1 tự nguyện giao nộp 02 Token của Công ty TNHH PT-TM-DV S và Công ty TNHH PT-TM-DV MT hiện đang giữ của H cùng các dụng cụ phục vụ việc xuất hóa đơn GTGT của 02 Công ty nêu trên. Đồng thời, Bùi Ngọc T1 còn giao nộp thêm 14 Token của các Công ty nghi vẫn không hoạt động của H, V đưa cho Thúy làm báo cáo thuế và 12 Token của các Công ty khác mà Thúy nhận làm báo cáo thuế có dấu hiệu hoạt động mua bán trái phép hóa đơn để phục vụ điều tra.

Tại cơ quan điều tra, Ngô Văn H, Vũ Thị T, Lê Thị Q, Bùi Thị Ngọc T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Thu giữ, xử lý vật chứng:

- Vũ Thị T nộp lại số tiền thu lợi bất chính là: 72.000.000 đồng.
- Bùi Ngọc T1 nộp lại số tiền thu lợi bất chính là: 20.000.000 đồng
- 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung có số IMEI1: 356807091920387 của Vũ Thị T; 01 điện thoại Samsung có số IMEI1: 355728260081457, số IMEI2: 356203780081451 của Lê Thị Q; 01 điện thoại Samsung có số seri: R58RC3ZWPJF và 01 điện thoại Samsung có số Seri: RF8M438EM6B của Bùi Ngọc T1.
- 22 Token chữ ký số các loại của các công ty.
- 03 Mộc dấu tròn của Công ty (Gồm: Công ty TNHH TMDV Cơ Khí Máy Móc T, Công ty TNHH PT TMDV T và Công ty TNHH ĐT-TMDV S).
- 01 Màn hình máy tính nhãn hiệu hp, 01 bàn phím nhãn hiệu MIXIE, 01 CPU nhãn hiệu DELL và 01 CPU nhãn hiệu MP.
- 04 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Gồm: số 031801xxxx, 031800xxxx, 031801xxxx, 031798xxxx) do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp và 02 Hợp đồng thuê nhà chưa được ký xác nhận 2 bên.
- 09 Căn cước công dân, gồm: CCCD số: 08209001xxxx mang tên Bùi Khắc H; CCCD số: 00117400xxxx mang tên Hoàng Thị Y; CCCD số: 07406900xxxx mang tên Nguyễn Văn H; CCCD số: 05809800xxxx mang tên Ngô H; CCCD số: 03809001xxxx mang tên Lê Văn C; CCCD số: 03819703xxxx mang tên Mã Thị L; CCCD số: 07918402xxxx mang tên Tăng Ngọc H; CCCD số: 07917301xxxx mang tên Trần Thị T; CCCD số: 07920401xxxx mang tên Nguyễn Hoài B.
- 01 Thùng hóa đơn (Gồm: 07 tập hóa đơn của Công ty TNHH Xe Máy Nhập Khẩu N; 05 tập hóa đơn của Công ty TNHH Xe Máy Nhập Khẩu B, 05 tập hóa đơn của Công ty TNHH SX TM DV K).
- 10 Biển hiệu bằng nhựa mai ca có ghi tên Công ty, mã số thuế, địa chỉ (Gồm: Công ty TNHH XD-VT-TM-DV V, MST: 031794xxxx, ĐC: 8 Trần Văn M, xã X, huyện H; Công ty TNHH XD-VT-TM-DV ML, MST: 031795xxxx, ĐC: 8 Trần Văn M, xã X, huyện H; Công ty TNHH DV-VT L, MST: 03180xxxx, ĐC: 403 QL22, ấp T, xã T, huyện C; Công ty TNHH ĐT-TM-DV S, MST: 031798xxxx, ĐC: 8A đường số 613, ấp M, xã P, huyện C; Công ty TNHH XD-VT-TM-DV Hồng Q, MST: 0317906097, ĐC: 1 đường 19, ấp T, xã T, huyện C; Công ty TNHH TM-DV C, MST: 031797xxxx, ĐC: 1 đường 19, ấp T, xã Tội, huyện C; Công ty TNHH XD-VT-TM-DV H, MST: 031790xxxx, ĐC: 11 đường 19, ấp T, xã T, huyện Củ Chi; Công ty TNHH TK-NT&SX Gỗ T, MST: 031798xxxx, ĐC: 7 Lê Thị R, ấp T, xã T, huyện C; Công ty TNHH TMDV L, MST: 031803xxxx, ĐC: 8A đường

số 613, ấp M, xã P, huyện C; Công ty TNHH SX-Bao Bì Nhựa & Hóa Chất T, MST: 031797xxxx, ĐC: 7 Lê Thị R, ấp T, xã T, huyện C).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 297/2025/HS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

1. Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 203, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn H 01(một) năm 06 (sáu) tháng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 203, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 203, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Q 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ghi nhận bị cáo tự nguyện nộp lại số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền công treo biển hiệu cho các công ty của bị cáo H.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2025, các bị cáo Ngô Văn H, Lê Thị Q, Vũ Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Ngày 06/10/2025, bị cáo Bùi Ngọc T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Ngô Văn H có đơn xin hoãn phiên tòa và vắng mặt tại phiên tòa.

Các bị cáo Lê Thị Q, Vũ Thị T, Bùi Ngọc T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra ý kiến phát biểu:

Sau khi xem xét tất cả lời khai, tình tiết trong hồ sơ vụ án, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên các bị cáo Ngô Văn H, Lê Thị Q, Vũ Thị T, Bùi Ngọc T1 phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo điểm a, d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới để xem xét. Xét thấy mức án sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận.

Các bị cáo Lê Thị Q, Vũ Thị T, Bùi Ngọc T1 nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đơn kháng cáo của các bị cáo Ngô Văn H, Lê Thị Q, Vũ Thị T, Bùi Ngọc T1 trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Thị Q, Vũ Thị T, Bùi Ngọc T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ngày 12/01/2026, bị cáo Ngô Văn H nộp đơn xin hoãn phiên tòa xét xử vào ngày 14/01/2026 với lý do đang bị mắc bệnh thận nặng và phải điều trị lọc máu định kỳ, sức khỏe yếu không thể có mặt tại phiên tòa. Xét thấy, bị cáo đã được thông báo ngày giờ xét xử vụ án, đơn xin hoãn phiên tòa không kèm theo các tài liệu để xem xét, việc xét xử vắng mặt bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị cáo Ngô Văn H theo quy định tại khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, qua kiểm tra toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai các bị cáo xét thấy:

Đây là vụ án “Mua bán trái phép hóa đơn” do các bị cáo Ngô Văn H, Vũ Thị T, Lê Thị Q, Bùi Ngọc T1 thực hiện bằng cách đứng ra thành lập công ty nhưng không hoạt động sản xuất kinh doanh mà để thực hiện hành vi mua bán

trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) không nội dung, trị giá, không có hàng hóa dịch vụ kèm theo cho các doanh nghiệp có nhu cầu để thu lợi bất chính. Trong đó:

Ngô Văn H là chủ mưu, cầm đầu. H là người đề nghị Vũ Thị T thành lập hai công ty là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ HT và Công ty TNHH PT TM - DV MT; thỏa thuận với Lê Thị Q đứng tên thành lập hai Công ty TNHH XD-VT-TM-DV Hồng Q và Công ty TNHH Đầu tư – Thương mại – Dịch vụ S để thực hiện mua bán trái phép hóa đơn và sẽ chia cho Thúy, Q để hưởng phần trăm từ 0,1% đến 0,8% trên giá trị hàng hóa ghi không trên hóa đơn. Từ khi thành lập đến khi bị phát hiện, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ HT và Công ty TNHH PT TM - DV MT đã xuất bán 90 Hóa đơn GTGT cho 19 Công ty với tổng số tiền ghi không giá trị hàng hóa trên hóa đơn chưa thuế 36.051.751.882 đồng; hai Công ty TNHH XD-VT-TM-DV Hồng Q và Công ty TNHH Đầu tư – Thương mại – Dịch vụ S đã xuất bán xuất bán 50 Hóa đơn GTGT cho 16 Công ty với tổng số tiền ghi không giá trị hàng hóa trên hóa đơn chưa thuế 15.563.742.770 đồng

Ngoài ra Ngô Văn H còn thuê Lê Thị Q tìm thuê các địa điểm để đặt trụ sở cho các công ty được thành lập nhằm mua bán trái phép hóa đơn; H thuê Bùi Ngọc T1 làm báo cáo thuế cho 02 Công ty là Công ty TNHH ĐT-TM-DV S và Công ty TNHH PT-TM-DV MT. Theo thỏa thuận với H, T thực hiện việc nhập lại thông tin hàng hoá và xuất hóa đơn như số lượng, số tiền ghi trên hoá đơn cho các Công ty. Từ khi làm báo cáo thuế cho 02 Công ty nêu trên đến nay, Bùi Ngọc T1 đã xuất 112 Hóa đơn giá trị gia tăng cho 19 Công ty theo yêu cầu của H, với tổng số tiền ghi không giá trị hàng hóa trên hóa đơn chưa gồm thuế 28.129.540.600 đồng. H thỏa thuận với T về cách thức làm việc và trả công 2.000.000 đồng/công ty/ quý.

Với hành vi đó, các bị cáo Ngô Văn H, Vũ Thị T, Bùi Ngọc T1, Lê Thị Q đã phạm vào tội: **“Mua bán trái phép hóa đơn”** thuộc trường hợp: "Có tổ chức"; "Hóa đơn, chứng từ ở dạng phôi từ 100 số trở lên hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét thấy, đây là vụ án mua bán trái phép hóa đơn rất lớn và chuyên nghiệp. Các bị cáo thành lập hàng loạt công ty không có hoạt động kinh doanh chỉ để mua bán trái phép hóa đơn không, và để mua bán công ty “ma”, hoạt động có tổ chức, phân công công việc theo các giai đoạn từ thành lập công ty, thuê địa điểm treo bảng hiệu, soạn hợp đồng kinh tế, mở tài khoản ngân hàng, xuất hóa đơn, rút tiền, quyết toán thuế... Công ty này bị khóa mã số thuế liền mở các công ty khác thay thế, quá trình hoạt động trong suốt một thời gian dài, trên nhiều tỉnh thành. Ngoài hành vi của các bị cáo Ngô Văn H, Vũ Thị T, Bùi Ngọc T1, Lê Thị Q đã được điều tra làm rõ trong vụ án này, còn một số đối tượng đóng vai trò tích cực trong vụ án chưa được làm rõ cụ thể:

+ Qua kiểm tra các tin nhắn của bị cáo Bùi Ngọc T1 có nội dung các tin nhắn thể hiện H giới thiệu “N” và “V” là kế toán của H cho Thúy để thực hiện việc xuất hóa đơn khống. Theo chỉ đạo của H, hàng ngày Nhi và V là người gửi các thông tin đơn đặt hàng xuất hóa đơn cho Bùi Ngọc T1 để Thúy xuất các hóa đơn, ký chữ ký số trên hóa đơn. Yên N có số điện thoại 0769442xxx (bút lục 377), V có số điện thoại 0936560xxx (bút lục 94). Đối tượng “TT” có số điện thoại 037460xxx, email: tt92@student.edu.vn (bút lục 391) là người kiểm tra, rà soát các hóa đơn sau khi xuất trước khi gửi cho khách hàng.

+ Ngày 02/10/2023 bị cáo Vũ Thị T mang 09 CCCD đi sao y để phục vụ cho việc thành lập Công ty “ma” mục đích mua bán trái phép hóa đơn. Cụ thể bị cáo khai tại bút lục 520 “Tôi (T) được tên Tr (không rõ nhân thân, lai lịch) đưa tôi đem sao y. Mục đích sao y 09 CCCD trên là để mở công ty do tên H bạn trai (không rõ nhân thân, lai lịch) nói cho tôi biết và kêu tôi đi sao y cho Trường để mở công ty...”, T cũng khai liên lạc với Trường qua số điện thoại 0904452xxx. Ngoài việc đi sao y các CCCD giúp Tr, T còn có hành vi giúp Tr đi tìm các địa điểm để treo biển cho 4 công ty “ma” của Tr.

+ Các đối tượng tên K có số điện thoại 0909921xxx (bút lục 512), Tư có số điện thoại 032727xxx (bút lục 512) là các đối tượng giúp sức cho H trong việc lo hồ sơ thành lập các công ty “ma”.

Các đối tượng trên có thông tin về tên, số điện thoại, email trong hồ sơ nhưng Cơ quan điều tra chưa tiến hành xác minh, đấu tranh để làm rõ xử lý là có dấu hiệu bỏ lọt người phạm tội.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra cần tiến hành lấy lời khai của các bị cáo và các cá nhân, đơn vị đã mua 140 hóa đơn khống do các công ty của các bị cáo phát hành để làm rõ các nội dung: khách hàng liên hệ mua hóa đơn qua ai, cách thức liên hệ, quy trình thanh toán, giá mua bán thỏa thuận bao nhiêu % trên giá trị hóa đơn trước thuế, sao kê tài khoản của các công ty nhằm làm rõ số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo trong vụ án vì việc xác định các bị cáo chưa thu lợi là không phù hợp. Sau khi xuất hóa đơn, khách hàng chuyển khoản vào tài khoản của công ty, riêng đối với Công ty TNHH PT TM - DV MT, bị cáo Vũ Thị T đã đi cùng đối tượng tên “C” ra ngân hàng để rút tiền từ tài khoản và đã nhận tiền hoa hồng bán hóa đơn GTGT số tiền 72.000.000 đồng, tương ứng 0,8% giá trị hàng hóa ghi khống trên hóa đơn 9.548.905.428 đồng do C đưa sau khi rút tiền, đóng tài khoản nên cần tiếp tục đấu tranh làm rõ số tiền các bị cáo thu lợi bất chính để buộc nộp lại theo quy định.

Bên cạnh đó cũng cần ghi lời khai cá nhân, đơn vị đã mua 140 hóa đơn khống, sau khi mua các hóa đơn này họ đã dùng làm gì, quyết toán thuế nội dung gì, có dùng để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hay không nhằm tránh bỏ lọt tội phạm và giải quyết toàn diện vụ án.

Do điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được, nhằm giải quyết toàn diện vụ án nên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung.

Do hủy án nên không xem xét các yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

Tiếp tục duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 297/2025/HS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh để chuyển đến Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung.

Tiếp tục duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Ngô Văn H, Vũ Thị T, Lê Thị Q, Bùi Ngọc T1 cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND khu vực A – TP.HCM; (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND khu vực A – TP.HCM; (1)
- P. PV06 – CA Tp.HCM; (1)
- P. THADS KV A – TP.HCM; (1)
- Cơ quan THAHS; (1)
- Bị cáo; (4)
- Công an TP. HCM (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (25) (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Lâm